

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NSNN NĂM 2026**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân phường Minh Hưng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số tt	Nội dung	Dự toán năm 2026				Thực hiện tháng 01/2026 (số liệu đến 22/01/2026)		Dự toán điều chỉnh HĐND phường giao năm 2026		So Sánh tỷ lệ (%)			
		Dự toán tỉnh giao năm 2026		Dự toán HĐND phường giao năm 2026		Số thu	NSDP được hưởng	Số thu	NSDP được hưởng	5/1	6/2	7/3	8/4
		Số thu	NSDP được hưởng	Số thu	NSDP được hưởng								
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>243.131</b>	<b>162.869</b>	<b>243.131</b>	<b>162.869</b>	<b>11.318</b>	<b>8.330</b>	<b>243.131</b>	<b>162.869</b>	<b>4,7</b>	<b>4,7</b>	<b>100</b>	<b>100,0</b>
<b>A</b>	<b>CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSN</b>	<b>243.131</b>	<b>162.869</b>	<b>243.131</b>	<b>162.869</b>	<b>11.318</b>	<b>8.330</b>	<b>243.131</b>	<b>162.869</b>	<b>4,7</b>	<b>4,7</b>	<b>100</b>	<b>100,0</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu theo tỷ lệ (%)</b>	<b>218.920</b>	<b>142.158</b>	<b>218.920</b>	<b>142.158</b>	<b>9.478</b>	<b>6.598</b>	<b>218.920</b>	<b>142.158</b>	<b>4,3</b>	<b>4,3</b>	<b>100</b>	<b>100,0</b>
1	Thu từ CTN NQD	109.420	64.558	109.420	64.558	4.688	2.766	109.420	64.558	4,3	4,3	100	100,0
-	Thuế GTGT	100.000	59.000	100.000	59.000	4.668	2.754	100.000	59.000	4,7	4,7	100	100,0
-	Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong n	420	248	420	248	20	12	420	248	4,8	4,8	100	100,0
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.000	5.310	9.000	5.310	1	1	9.000	5.310	0,0	0,0	100	100,0
3	Thuế thu nhập cá nhân	12.500	0	12.500	0			12.500	0	0,0	0,0	100	
4	Thuê mặt đất	17.000	13.600	17.000	13.600	69	55	17.000	13.600	0,4	0,4	100	100,0
5	Thu tiền sử dụng đất	80.000	64.000	80.000	64.000	4.721	3.777	80.000	64.000	5,9	5,9	100	100,0

<b>II</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>24.211</b>	<b>20.711</b>	<b>24.211</b>	<b>20.711</b>	<b>1.840</b>	<b>1.732</b>	<b>24.211</b>	<b>20.711</b>	<b>7,6</b>	<b>7,6</b>	<b>100</b>	<b>100,0</b>
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	831	831	831	831	58	58	831	831	7,0	7,0	100	100,0
2	Thu khác ngân sách	1.800	800	1.800	800	134	134	1.800	800	7,4	7,4	100	100,0
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>												
3	Thu phí - lệ phí	4.500	2.000	4.500	2.000	197	89	4.500	2.000	4,4	4,4	100	100,0
4	Thuế tài nguyên	80	80	80	80	1	1	80	80	1,3	1,3	100	100,0
5	Lệ phí trước bạ	17.000	17.000	17.000	17.000	1.450	1.450	17.000	17.000	8,5	8,5	100	100,0

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026**

Biểu số 02

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân phường Minh Hưng)

Đvt: Triệu đồng

LTS	Nội dung	Mã số	Dự toán năm 2026		Thực hiện tháng 01/2026 (tính đến 22/01/2026)	Dự toán điều chỉnh năm 2026		So sánh thực hiện với DT năm (%)			
			UBND Tỉnh giao	Hội đồng nhân dân phường giao		Tỉnh giao	Hội đồng nhân dân phường giao				
A	B	C	I	2	3	4	5	6=3/1	7=3/2	8=4/1	9=5/2
	<b>Tổng chi ngân sách phường</b>	<b>100</b>	<b>231.768</b>	<b>231.768</b>	<b>2.889</b>	<b>242.955</b>	<b>242.955</b>	<b>1,2</b>	<b>1,2</b>	<b>104,8</b>	<b>104,8</b>
A	<b>Chi NS xã đã qua KB</b>	<b>200</b>	<b>231.768</b>	<b>231.768</b>	<b>2.889</b>	<b>242.955</b>	<b>242.955</b>	<b>1,2</b>	<b>1,2</b>	<b>104,8</b>	<b>104,8</b>
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>300</b>	<b>91.565</b>	<b>91.565</b>	<b>0</b>	<b>91.565</b>	<b>91.565</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
1	Chi Đầu tư công	310	91.565	91.565	0	91.565	91.565	-	-	100,0	100,0
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>400</b>	<b>135.214</b>	<b>131.547</b>	<b>2.889</b>	<b>146.401</b>	<b>142.734</b>	<b>2,1</b>	<b>2,2</b>	<b>105,6</b>	<b>108,5</b>
1	Chi công tác DQTV, ANTT	410		23.302	0		18.993		-		81,5
	- Quốc phòng	411		6.344			11.806		-		186,1
	- An ninh	412		16.958			7.187		-		42,4
2	Sự nghiệp Giáo dục	420	54.265	54.553	2.676	54.265	54.553	4,9	4,9	100,5	100,0
3	Sự nghiệp Y tế	430		100		3.426	3.526		-		3.526,0
4	Sự nghiệp VH TT	440		3.706	101		3.706		2,7		100,0
5	Sự nghiệp truyền thanh										#DIV/0!
6	Sự nghiệp TDTT	450		100	16		650		16,0		650,0

